

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 28 tháng 08 năm 2019



**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2
- Mã chứng khoán: C32
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 3759 446 - Fax: 0274 3755 605
- Người thực hiện công bố thông tin: Lữ Minh Quân, Chức vụ: Người phụ trách QTCT
- Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 đã soát xét và giải trình số liệu chênh lệch so với số liệu lũy kế trên Báo cáo tài chính Quý II năm 2019 đã công bố.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2019 tại đường dẫn: <http://cic32.com.vn> (Mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính năm 2019).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động KD;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (gt);
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- CV giải trình số liệu chênh lệch so với BCTC Quý 2/2019 đã công bố.

Lữ Minh Quân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 516/CTY-TGD

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2019

V/v giải trình chênh lệch số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2019 sau khi soát xét và biến động lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Mã chứng khoán: C32

Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3759446

Fax: 0274.3755605

Căn cứ Thông tư 155/2016/TT-BTC ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2019 đã soát xét của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2;

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 xin giải trình về việc chênh lệch một số số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2019 đã soát xét chênh lệch so với số liệu lũy kế trên báo cáo quý 2 năm 2019 đã công bố và giải trình về việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 giảm 42% so với cùng kỳ năm 2018 như sau:

❖ **Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019: 33.271.286.639 đồng**

❖ **Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018: 57.496.263.896 đồng**

Nguyên nhân chênh lệch:

Trong quá trình soát xét báo cáo tài chính Công ty và đơn vị kiểm toán đã phát hiện nhiều chi phí thi công công trình xây dựng đưa vào 6 tháng đầu năm 2019 chưa phù hợp niên độ. Đây là chi phí của các công trình đã thi công, hoàn thành trong năm 2018 và ghi nhận doanh thu tuy nhiên chi phí của các công trình chưa được trích lập phải trả đầy đủ để tương xứng với doanh thu đã ghi nhận. Các chi phí trích lập thiếu sót này đang ghi nhận trong kết quả kinh doanh lĩnh vực xây dựng 6 tháng đầu năm 2019 và làm sai lệch trọng yếu kết quả kinh doanh trong kỳ cũng như sai lệch trọng yếu kết quả kinh doanh năm 2018 vì vậy cần phải điều chỉnh hồi tố lại năm 2018 để các báo cáo phản ánh đúng

với kết quả của từng giai đoạn. Việc thay đổi số liệu đầu kỳ do hồi tố đã làm chênh lệch số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2019 sau khi soát xét.

Ngoài ra, Công ty cũng đã điều chỉnh một số sai lệch khác được tìm thấy trong kỳ như là phải thu, phải trả, tồn kho, tài sản, giá vốn, doanh thu tài chính, quản lý doanh nghiệp và kết quả kinh doanh để báo cáo tài chính phản ánh đúng hơn.

Nguyên nhân biến động lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ 2018 là do cơ cấu doanh thu thay đổi, tăng ở các lĩnh vực có tỷ lệ lãi gộp thấp và giảm ở lĩnh vực khai thác đá khiến lãi gộp biến động mạnh. Đối với lĩnh vực khai thác chế biến đá, thị trường tiêu thụ sản phẩm đá rất khó khăn: các công trình vốn công suất giảm, khách hàng chuyển sang lấy đá ở khu vực khác đồng thời giá bán giảm mạnh so với cùng kỳ khiến doanh thu lĩnh vực đá giảm mạnh. Mặt khác chi phí đầu vào lại tăng cao do biến động giá nhiên liệu, sắt thép, tiền lương; chi phí thuê đất tăng đột biến do thay đổi khung giá năm 2019 của tỉnh Bình Dương, việc cấp giấy phép khai thác chậm trễ khiến toàn bộ chi phí cho dự án xuống sâu cote -150m dồn hết cho năm 2019 trong khi năm 2018 hầu như không có các chi phí này. Với lĩnh vực xây dựng, để đảm bảo năng lực thi công, tạo công việc và duy trì nhân sự, Công ty đã đấu thầu nhiều công trình với giá trúng thầu theo giá khoán gọn, tuy nhiên do giá nguyên nhiên vật liệu nhân công tăng mạnh quá trình thi công bị kéo dài cho vướng mặt bằng, thiết kế khiến chi phí bị vượt lên so với dự toán. 6 tháng đầu năm 2019, Công ty không có công trình mới được triển khai, các công trình chậm lên khối lượng do vướng giải tỏa, chủ đầu tư chậm xác nhận. Chi phí hoạt động tài chính tăng do trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và gia tăng việc vay ngắn hạn. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do bổ sung thêm bộ phận từ xí nghiệp xây lắp trước đây chuyển về.

Số liệu chênh lệch:

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số báo cáo sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	377.760.026.842	364.882.341.270	(12.877.685.572)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	48.689.219.641	48.689.219.641	-
1. Tiền	22.334.484.612	22.334.484.612	-
2. Các khoản tương đương tiền	26.354.735.029	26.354.735.029	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	102.731.623.926	102.731.623.926	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	102.731.623.926	102.731.623.926	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	129.645.539.998	121.116.944.439	(8.528.595.559)
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	72.558.642.190	65.874.020.818	(6.684.621.372)
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	45.269.925.200	43.232.951.013	(2.036.974.187)
6. Phải thu ngắn hạn khác	28.090.469.302	28.283.469.302	193.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.273.496.694)	(16.273.496.694)	-
IV. Hàng tồn kho	94.832.512.390	90.483.422.377	(4.349.090.013)

1.Hàng tồn kho	95.105.549.235	90.756.459.222	(4.349.090.013)
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(273.036.845)	(273.036.845)	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	1.861.130.887	1.861.130.887	-
2.Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.861.130.887	1.861.130.887	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	453.292.010.082	453.023.128.353	(268.881.729)
II.Tài sản cố định	186.765.632.670	186.098.498.912	(667.133.758)
1.Tài sản cố định hữu hình	144.577.961.254	143.910.827.496	(667.133.758)
-Nguyên giá	254.082.149.869	253.415.016.111	(667.133.758)
-Giá trị hao mòn lũy kế	(109.504.188.615)	(109.504.188.615)	-
3.Tài sản cố định vô hình	42.187.671.416	42.187.671.416	-
-Nguyên giá	79.414.887.427	79.414.887.427	-
-Giá trị hao mòn lũy kế	(37.227.216.011)	(37.227.216.011)	-
III.Bất động sản đầu tư	5.659.674.209	5.659.674.209	-
-Nguyên giá	8.331.392.116	8.331.392.116	-
-Giá trị hao mòn lũy kế	(2.671.717.907)	(2.671.717.907)	-
IV.Tài sản dở dang dài hạn	21.391.609.503	22.058.743.261	667.133.758
2.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.391.609.503	22.058.743.261	667.133.758
V.Đầu tư tài chính dài hạn	166.856.512.657	165.565.932.657	(1.290.580.000)
1.Đầu tư vào công ty con	3.000.000.000	3.000.000.000	-
2.Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	97.642.800.663	97.642.800.663	-
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	62.857.774.202	61.567.194.202	(1.290.580.000)
4.Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.144.062.208)	(1.144.062.208)	-
5.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.500.000.000	4.500.000.000	-
VI.Tài sản dài hạn khác	72.618.581.043	73.640.279.314	1.021.698.271
1.Chi phí trả trước dài hạn	70.444.762.497	70.444.762.497	-
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.173.818.546	3.195.516.817	1.021.698.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	831.052.036.924	817.905.469.623	(13.146.567.301)
C-NỢ PHẢI TRẢ	340.322.845.342	332.255.414.905	(8.067.430.437)
I.Nợ ngắn hạn	298.512.017.342	294.584.622.905	(3.927.394.437)
1.Phải trả người bán ngắn hạn	32.622.786.340	23.901.190.781	(8.721.595.559)
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.349.428.926	18.349.428.926	-
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.287.000.890	15.361.559.944	74.559.054
4.Phải trả người lao động	8.505.215.611	3.976.330.327	(4.528.885.284)
5.Chi phí phải trả ngắn hạn	11.347.577.542	16.456.068.894	5.108.491.352
9.Phải trả ngắn hạn khác	26.998.598.352	26.998.598.352	-
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	184.374.682.365	188.514.718.365	4.140.036.000
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	54.590.788	54.590.788	-
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	972.136.528	972.136.528	-
II.Nợ dài hạn	41.810.828.000	37.670.792.000	(4.140.036.000)
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	41.810.828.000	37.670.792.000	(4.140.036.000)
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	490.729.191.582	485.650.054.718	(5.079.136.864)
I.Vốn chủ sở hữu	490.729.191.582	485.650.054.718	(5.079.136.864)
1.Vốn góp của chủ sở hữu	150.301.450.000	150.301.450.000	-
-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.301.450.000	150.301.450.000	-
2.Thặng dư vốn cổ phần	2.190.000.000	2.190.000.000	-
8.Quỹ đầu tư phát triển	155.029.552.361	155.029.552.361	-
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	183.208.189.221	178.129.052.357	(5.079.136.864)
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối	159.559.233.337	144.857.765.719	(14.701.467.618)

kỳ trước			
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	23.648.955.884	33.271.286.638	9.622.330.754
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	831.052.036.924	817.905.469.623	(13.146.567.301)

***Nguyên nhân chênh lệch:**

1. Phải thu khách hàng giảm do điều chỉnh lại công nợ thuần của cùng đối tượng	(6.684.621.372)
2. Trả trước người bán ngắn hạn giảm do điều chỉnh lại công nợ thuần của cùng đối tượng	(2.036.974.187)
3. Phải trả người bán ngắn hạn giảm do điều chỉnh lại công nợ thuần của cùng đối tượng	(8.721.595.559)
4. Phải thu ngắn hạn khác tăng do tính bổ sung lãi dự thu trái phiếu của BIDV	193.000.000
5. Hàng tồn kho giảm do kết chuyển bổ sung giá vốn công trình	(4.349.090.013)
6. Tài sản cố định hữu hình giảm và chi phí xây dựng cơ bản tăng là do điều chỉnh lại nguyên giá kết chuyển tài sản xây dựng hoàn thành trong kỳ	667.133.758
7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác giảm do điều chỉnh cốt tức năm 2018 của DHA chi trả trong năm 2019 giảm giá gốc	(1.290.580.000)
8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tăng do tăng số dư đầu kỳ điều chỉnh hồi tố và hoàn trích lập các chi phí trích trước đã có hồ sơ trong kỳ	1.021.698.281
Tăng do điều chỉnh hồi tố đầu kỳ	3.675.366.904
Hoàn nhập trong kỳ	(2.653.668.634)
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng do tính bổ sung thuế TNDN theo kết quả kinh doanh đã điều chỉnh	74.559.054
10. Phải trả người lao động giảm do giảm trích trước các khoản lương thưởng chưa đạt theo kế hoạch	(4.528.885.284)
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng và dài hạn giảm là do phân loại lại theo thời gian nợ	4.140.036.000
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước giảm là do điều chỉnh hồi tố năm 2018	(14.701.467.618)

13. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng do tính lại kết quả kinh doanh sau khi điều chỉnh

9.622.330.754

2. Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số báo cáo sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	327.464.519.575	327.464.519.575	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.500.000	29.500.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	327.435.019.575	327.435.019.575	-
4. Giá vốn hàng bán	276.546.733.830	264.817.691.400	(11.729.042.430)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.888.285.745	62.617.328.175	11.729.042.430
6. Doanh thu hoạt động tài chính	9.167.932.490	8.070.352.490	(1.097.580.000)
7. Chi phí tài chính	6.779.887.301	6.779.887.301	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>5.635.825.903</i>	<i>5.673.257.301</i>	<i>37.431.398</i>
8. Chi phí bán hàng	13.732.308.113	13.732.308.113	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.882.180.983	9.163.084.971	(1.719.096.012)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.661.841.838	41.012.400.280	12.350.558.442
11. Thu nhập khác	321.838.489	321.838.489	-
12. Chi phí khác	663.790.722	663.790.722	-
13. Lợi nhuận khác	(341.952.233)	(341.952.233)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.319.889.605	40.670.448.047	12.350.558.442
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.670.933.721	4.745.492.775	74.559.054
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	2.653.668.634	2.653.668.634
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.648.955.884	33.271.286.638	9.622.330.754
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.573	2.214	640
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

1. Giá vốn hàng bán giảm do	(11.729.042.430)
Điều chỉnh giảm giá vốn công trình hồi tố 2018	(13.268.343.171)
Điều chỉnh tăng giá vốn công trình trong kỳ	4.349.090.013
Điều chỉnh khoản trích lương liên quan đến giá vốn	(2.809.789.272)
2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm do	(1.097.580.000)
Điều chỉnh giảm cổ tức năm 2018 của DHA chi trả trong năm 2019 giảm giá gốc	(1.290.580.000)
Điều chỉnh tăng lãi dự thu trái phiếu của BIDV	193.000.000
3. Chi phí lãi vay tăng do phân loại nhằm phần dự phòng giảm giá cổ phiếu MDG	(37.431.398)

- | | |
|--|-----------------|
| 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do điều chỉnh giảm
phần lương thưởng tạm trích trước trong kỳ | (1.719.096.012) |
| 5. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do tính lại kết quả
kinh doanh từ các nguyên nhân trên | 74.559.054 |
| 6. Chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm do giảm tài sản thuế
TNDN từ việc hoàn các chi phí công trình trích trước đã
có đủ hồ sơ chứng từ | 2.653.668.634 |

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng chênh lệch một số số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2019 đã soát xét chênh lệch so với số liệu lũy kế trên báo cáo quý 2 năm 2019 đã công bố và biến động về lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018./.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT/TC/4



Võ Văn Lĩnh



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT
THỨC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo soát xét	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	15 - 48
8. Phụ lục	49 - 52

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700146225; đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 08 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp..

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 759 446
- Fax : (84 - 274) 3 755 605

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 Xí nghiệp Cống Bê tông	Số 6, Đường đôi 16, Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 Xí nghiệp Gạch không nung	Số 5/138 Đường Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình đường bộ;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Phá dỡ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép;
- Kinh doanh bất động sản; Cho thuê đất, văn phòng, nhà, xưởng (thực hiện theo quy hoạch); Đầu tư kinh doanh cầu đường giao thông, cầu phà đường thủy, đường bộ;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt, xây dựng hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất gạch, ngói (theo công nghệ tuynel);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Trồng cây xanh, thảm cỏ đô thị;
- Lắp đặt lưới điện hạ thế và trạm theo đường dây từ 35KV trở xuống; Thi công hệ thống chiếu sáng; Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, báo động, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại (không rèn, dập, ép, cán, luyện kim loại tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch); Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động kho bãi (trừ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Xây dựng công trình thủy lợi; nạo vét kênh mương, cầu cống, sông ngòi; thi công hệ thống xử lý chất thải;
- Khai thác đá, cát sỏi, đất, đất sét (chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền); Chế biến đá;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, (trừ môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán; môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài, môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài), đầu giá tài sản;
- Nhiên liệu động cơ (không lập trạm xăng dầu tại trụ sở chính);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy;
- Tư vấn công trình. Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông đường bộ: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội – ngoại thất công trình; Thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện – cơ điện công trình; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy chữa cháy;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Hoạt động cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy;
- Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát. Việc cung cấp dịch vụ kinh doanh doanh nghiệp này có thể bao gồm tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp;
- Việc kiểm tra lý, hóa và các các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm gồm: Kiểm tra âm thanh và chấn động; Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất; Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn; Phân tích lỗi;
- Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

04498
ÔNG T
NHIỆM H
OÁN VÀ
&
-T.PH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Văn Lãnh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Văn Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Thượng Văn Huyện	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Võ Văn Lãnh	Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 4 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Võ Văn Lãnh - Tổng Giám đốc Công ty (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

15-C.2
Y
DU HAN
TU VAN
C
ĐCH

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Võ Văn Lãnh
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1241/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2019, từ trang 08 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2018 với kết luận chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về tiến độ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 25 tháng 3 năm 2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364.882.341.270	407.136.317.593
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.689.219.641	38.972.280.405
1. Tiền	111		22.334.484.612	33.972.280.405
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.354.735.029	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		102.731.623.926	98.468.222.182
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	102.731.623.926	98.468.222.182
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.116.944.439	210.019.210.842
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	65.874.020.818	78.196.025.068
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	43.232.951.013	49.674.931.981
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	28.283.469.302	98.383.134.982
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.273.496.694)	(16.234.881.189)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		90.483.422.377	59.676.604.164
1. Hàng tồn kho	141	V.7	90.756.459.222	59.929.857.789
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(273.036.845)	(253.253.625)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.861.130.887	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.861.130.887	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		453.023.128.353	379.217.930.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		186.098.498.912	156.908.280.346
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	143.910.827.496	114.105.485.592
- Nguyên giá	222		253.415.016.111	215.466.404.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.504.188.615)	(101.360.918.770)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	42.187.671.416	42.802.794.754
- Nguyên giá	228		79.414.887.427	79.414.887.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.227.216.011)	(36.612.092.673)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	5.659.674.209	5.939.464.817
- Nguyên giá	231		8.331.392.116	8.331.392.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.671.717.907)	(2.391.927.299)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.058.743.261	17.872.494.298
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	22.058.743.261	17.872.494.298
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		165.565.932.657	126.060.788.737
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	97.642.800.663	91.233.200.663
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	61.567.194.202	30.365.020.282
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.144.062.208)	(37.432.208)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	4.500.000.000	4.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		73.640.279.314	72.436.902.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	70.444.762.497	66.587.716.793
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.195.516.817	5.849.185.451
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		817.905.469.623	786.354.248.035

15-C
 FY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 ĐƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		332.255.414.905	309.468.065.869
I. Nợ ngắn hạn	310		294.584.622.905	267.657.237.869
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	23.901.190.781	26.982.313.337
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	18.349.428.926	22.204.400.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	15.361.559.944	18.956.647.133
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3.976.330.327	12.687.484.518
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	16.456.068.894	43.220.966.536
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	26.998.598.352	9.885.132.543
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	188.514.718.365	122.333.198.803
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	54.590.788	94.827.498
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	972.136.528	11.292.266.813
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.670.792.000	41.810.828.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	37.670.792.000	41.810.828.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		485.650.054.718	476.886.182.166
I. Vốn chủ sở hữu	410		485.650.054.718	476.886.182.166
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	2.190.000.000	2.190.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	155.029.552.361	130.069.054.885
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	178.129.052.357	194.325.677.281
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		144.857.765.719	134.617.031.950
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.271.286.638	59.708.645.331
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		817.905.469.623	786.354.248.035

Bình Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2019



Đỗ Việt Cường
Người lập



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	327.464.519.575	327.313.683.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	29.500.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		327.435.019.575	327.313.683.060
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	264.817.691.400	237.607.547.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.617.328.175	89.706.135.829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.070.352.490	6.683.964.787
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.779.887.301	3.916.241.163
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.673.257.301	3.902.306.950
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	13.732.308.113	12.093.157.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.163.084.971	9.687.616.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.012.400.280	70.693.085.324
11. Thu nhập khác	31	VI.8	321.838.489	481.525.080
12. Chi phí khác	32	VI.9	663.790.722	62.234.184
13. Lợi nhuận khác	40		(341.952.233)	419.290.896
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.670.448.047	71.112.376.220
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.745.492.775	13.616.112.324
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	2.653.668.634	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.271.286.638</u>	<u>57.496.263.896</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	-	-


Đỗ Việt Cường
 Người lập


Nguyễn Xuân Hiếu
 Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2019


Võ Văn Lành
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.670.448.047	71.112.376.220
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	10.954.938.665	9.909.425.320
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6, V.7, V.21	1.124.792.015	383.412.174
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(8.160.769.478)	(6.842.286.331)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.673.257.301	3.902.306.950
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.262.666.550	78.465.234.333
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		86.769.716.153	(19.747.569.291)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.826.601.433)	3.367.679.922
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(67.273.182.293)	(14.226.829.443)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.380.257.166	1.704.544.665
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(5.633.350.396)	(3.972.492.964)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(6.387.238.871)	(9.269.511.177)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.292.266.876	36.321.056.045
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12, VII	(47.135.208.874)	(18.191.223.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	737.272.727	883.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.263.401.744)	(4.118.721.349)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(40.611.773.920)	(4.008.254.600)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	7.656.300.609	5.242.781.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(83.616.811.202)	(20.191.782.360)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	230.370.944.934	155.088.320.834
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(168.329.461.372)	(196.283.698.908)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(595.715.520)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>62.041.483.562</i></u>	<u><i>(41.791.093.594)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.716.939.236	(25.661.819.909)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.972.280.405	51.147.987.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>48.689.219.641</u>	<u>25.486.167.502</u>

Bình Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2019



Đỗ Việt Cường
Người lập



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lành
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đá, bê tông, gạch; Xây dựng các công trình; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe, cho thuê công cụ dụng cụ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận của Công ty có sự suy giảm đáng kể dù cho doanh thu không có biến động so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do cơ cấu doanh thu thay đổi, tăng ở các lĩnh vực có tỷ lệ lãi gộp thấp và giảm ở lĩnh vực khai thác đá khiến lãi gộp giảm mạnh. Trong 6 tháng đầu năm 2019, mỏ đá của Công ty đang khai thác xuống tới độ sâu gần cote -150m nên chi phí khai thác ngày càng cao. Trong khi đó thị trường tiêu thụ sản phẩm đá rất khó khăn, khách hàng chuyển sang lấy đá ở khu vực khác, các công ty khoáng sản hạ giá bán để cạnh tranh bán hàng và Công ty không thu hút được thêm khách hàng mới nên sản lượng bán ra cũng bị giảm mạnh, đồng thời giá bán cũng giảm so với cùng kỳ do cạnh tranh tiêu thụ với các doanh nghiệp trong khu vực. Các yếu tố trên đã khiến doanh thu và lãi gộp lĩnh vực đá giảm mạnh so với cùng kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Đơn vị chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Nam Đồng Phú, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 80%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 83,38%.

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Miền Đông	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất khai thác đá, kinh doanh bất động sản và hoạt động thi công xây lắp.	32,01%	32,01%	32,01%
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An	Áp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	Kinh doanh vật liệu xây dựng	24,33%	24,33%	24,33%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 Xí nghiệp Cống Bê tông	Số 6, Đường đôi 16, Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 Xí nghiệp Gạch không nung	Số 5/138 Đường Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 327 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 338 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn

Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn là khoản tiền đã trả cho phần đất chuyển nhượng mà Công ty đang sử dụng. Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn qui định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng đất (42 – 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao của nhà cửa là 25 năm, của cơ sở hạ tầng là 06 - 15 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bằng 0,19% trên tổng giá trị công trình bảo hành đối với công trình dân dụng, và bằng 0,45% trên tổng giá trị công trình hạ tầng. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kết toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

0044
CÔNG
H NHIỆP
TOÁN
A &
H-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	959.786.887	1.202.940.945
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.374.697.725	32.769.339.460
Các khoản tương đương tiền (*)	26.354.735.029	5.000.000.000
Cộng	<u>48.689.219.641</u>	<u>38.972.280.405</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	<u>102.731.623.926</u>	<u>102.731.623.926</u>	<u>98.468.222.182</u>	<u>98.468.222.182</u>
Tiền gửi có kỳ hạn(*)	102.731.623.926	102.731.623.926	98.468.222.182	98.468.222.182
Dài hạn	<u>4.500.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>
Trái phiếu(**)	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	<u>107.231.623.926</u>	<u>107.231.623.926</u>	<u>102.968.222.182</u>	<u>102.968.222.182</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn thời hạn 12 tháng. Toàn bộ khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20a).

(**) Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 kỳ hạn 7 năm với số tiền là 2.520.000.000 VND và kỳ hạn 10 năm với số tiền là 1.980.000.000 VND. Trái phiếu này nhận lãi hàng năm với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	3.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	97.642.800.663	(1.144.062.208)	-	91.233.200.663	37.432.208	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An ⁽ⁱⁱ⁾	55.373.968.455	-	-	55.373.968.455	-	-
Công ty Cổ phần Miền Đông ⁽ⁱⁱⁱ⁾	42.268.832.208	(1.144.062.208)	41.124.770.000	35.859.232.208	37.432.208	35.821.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	61.567.194.202	-	-	30.365.020.282	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương ^(iv)	200.887.800	-	-	200.887.800	-	-
Công ty Cổ phần Hoá An ^(v)	49.553.806.402	-	69.704.250.000	30.164.132.482	-	40.657.052.000
Công ty Cổ phần BOT đường Đồng Phú - Bình Dương ^(vi)	11.812.500.000	-	-	-	-	-
Cộng	162.209.994.865	(1.144.062.208)	-	121.598.220.945	37.432.208	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801197314, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước, với tổng số vốn điều lệ là 69.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 đăng ký số vốn góp trực tiếp là 55.200.000.000 VND chiếm 80% tổng số vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 3.000.000.000 VND tương đương 4,35% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước là 52.200.000.000 VND.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.667.268 cổ phiếu, tương đương 24,33% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An (số đầu năm là 3.667.268 cổ phiếu, tương đương 24,33% vốn điều lệ).

(iii) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miền Đông với giá mua là 6.409.600.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.485.150 cổ phiếu, tương đương 32,01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Miền Đông (số đầu năm là 2.985.150 cổ phiếu, tương đương 27,41% vốn điều lệ).

(iv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 18.098 cổ phiếu, tương đương 3,52% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương.

(v) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 645.290 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa An với giá mua là 20.680.253.920 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.991.550 cổ phiếu, tương đương 13,17% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hóa An (số đầu năm là 1.346.260 cổ phiếu, tương đương 8,9% vốn điều lệ).

(vi) Trong kỳ Công ty đã đăng ký mua 3.375.000 cổ phần với giá mua là 33.750.000.000 (chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Đồng Phú - Bình Dương). Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã góp 11.812.500.000 VND theo tiến độ góp vốn của dự án. Vốn điều lệ còn lại phải đầu tư là 21.937.500.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa có doanh thu.

Công ty Cổ phần BOT đường Đồng Phú – Bình Dương đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản. Các công ty công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh có lãi bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	37.432.208	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.106.630.000	-
Số cuối kỳ	1.144.062.208	-

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Miền Đông	34.783.613.489	10.997.790.454
Doanh thu bán hàng hóa	14.814.221.277	5.929.909
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.158.723.363	-
Thanh lý tài sản cố định	-	883.636.364
Mua nguyên vật liệu	1.407.008.849	355.669.581
Chia cổ tức	600.000.000	600.000.000
Cổ tức được chia	1.394.060.000	3.858.225.000
Góp vốn đầu tư	6.409.600.000	5.294.329.600
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước	3.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư	3.000.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	12.705.652.838	7.561.275.035
Công ty Cổ phần Miền Đông	12.665.214.377	805.459.945
Hợp tác xã Phúc Tài	40.438.461	6.755.815.090
Phải thu các khách hàng khác	53.168.367.980	70.634.750.033
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	3.987.609.955	3.987.609.955
Ban quản lý dự án huyện Dầu Tiếng	329.045.447	8.010.167.547
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	1.241.814.969	4.348.685.450
Ban quản lý dự án Huyện Bàu Bàng	6.133.962.000	10.107.316.000
Công ty Cổ phần Hải Đăng	-	4.999.861.979
Các khách hàng khác	41.475.935.609	39.181.109.102
Cộng	65.874.020.818	78.196.025.068

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	4.395.314.892	-
Hợp tác xã Phúc Tài	4.395.314.892	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	38.837.636.121	49.674.931.981
Ông Trần Hữu Nghĩa	30.725.000.000	30.725.000.000
Các nhà cung cấp khác	8.112.636.121	18.949.931.981
Cộng	43.232.951.013	49.674.931.981

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.380.540.000	-	5.380.540.000	-
Ông Trần Văn Bình - Tạm ứng	5.380.540.000	-	5.380.540.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.902.929.302	-	93.002.594.982	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	45.740.710.067	-
Lãi dự thu	2.622.195.410	-	3.616.059.268	-
Cổ tức được chia	1.394.060.000	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.090.205.643	-	13.288.450.977	-
Tạm ứng	8.665.126.159	-	30.330.057.993	-
Phải thu bảo hiểm	2.556.631	-	3.952.875	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	128.785.459	-	23.363.802	-
Cộng	28.283.469.302	-	98.383.134.982	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Ông Trần Hữu Nghĩa				
<i>Trả trước cho người bán</i>	Từ 1 đến 2 năm	30.725.000.000	Dưới 1 năm	30.725.000.000
		15.362.500.000		15.362.500.000
Công ty TNHH Quang Phước				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá 3 năm	264.782.117	Quá 3 năm	264.782.117
Doanh nghiệp tư nhân Xuân Loan				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá 3 năm	200.366.498	Quá 3 năm	200.366.498
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		613.499.403		499.186.006
		167.651.324		91.953.432
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá 3 năm	292.830.692	Quá 3 năm	306.475.193
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Từ 2 đến 3 năm	114.766.867	Từ 2 đến 3 năm	36.559.996
		34.430.059		10.967.999
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Từ 1 đến 2 năm	54.550.124	Từ 1 đến 2 năm	141.600.693
		27.275.061		70.800.347
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Dưới 1 năm	151.351.720	Dưới 1 năm	14.550.124
		105.946.204		10.185.087
Cộng		31.803.648.018		31.689.334.621
		15.530.151.324		15.454.453.432

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.234.881.189	791.762.798
Trích lập dự phòng bổ sung	38.615.505	391.185.067
Số cuối kỳ	<u>16.273.496.694</u>	<u>1.182.947.865</u>

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.149.219.150	(22.363.264)	14.059.350.191	(22.363.264)
Công cụ, dụng cụ	497.723.431	-	505.359.795	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.264.197.214	-	9.858.718.145	-
Thành phẩm (*)	30.332.542.480	(250.673.581)	33.534.837.516	(230.890.361)
Hàng hóa	3.512.776.947	-	1.971.592.142	-
Cộng	<u>90.756.459.222</u>	<u>(273.036.845)</u>	<u>59.929.857.789</u>	<u>(253.253.625)</u>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	22.363.264	22.363.264
Thành phẩm	250.673.581	230.890.361
Cộng	<u>273.036.845</u>	<u>253.253.625</u>

Thành phẩm là bất động sản tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 20.453.401.859 VND (số đầu năm là 20.158.181.085 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	253.253.625	207.013.662
Trích lập dự phòng bổ sung	19.783.220	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(7.772.893)
Số cuối kỳ	<u>273.036.845</u>	<u>199.240.769</u>

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.411.435.557	4.633.126.033
Quyền sử dụng đất thuê Thạnh Phước	48.130.298.581	48.643.232.491
+ Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	42.258.467.701	42.708.824.371
+ Chi phí thuê đất trả 1 lần	5.871.830.880	5.934.408.120
Tiền thuê đất trả 1 lần	14.646.910.547	6.629.962.814
Chi phí sửa chữa tài sản	1.017.882.165	361.580.332
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.848.215.470	3.696.430.948
Chi phí thăm dò khai thác khoáng sản	859.890.403	1.563.124.629
Chi phí bãi rửa xe cơ giới	530.129.774	1.060.259.546
Cộng	<u>70.444.762.497</u>	<u>66.587.716.793</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số Chi phí trả trước dài hạn là quyền sử dụng đất và tiền thuê đất trả 1 lần có giá trị còn lại theo sổ sách là 60.760.178.520 VND (số đầu năm là 53.229.563.319 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và đảm bảo cho các thư bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (xem thuyết minh số V.20a, V.20b).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	52.613.336.172	112.132.691.927	49.257.400.447	1.462.975.816	215.466.404.362
Mua trong kỳ	-	21.221.547.944	1.176.501.727	-	22.398.049.671
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.651.709.195	4.896.748.170	-	-	17.548.457.365
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.896.995.287)	-	-	(1.896.995.287)
Giảm khác (Chuyển qua công cụ dụng cụ)	-	-	-	(100.900.000)	(100.900.000)
Số cuối kỳ	65.265.045.367	136.353.992.754	50.433.902.174	1.362.075.816	253.415.016.111
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.747.093.773	33.889.739.571	12.541.392.078	1.088.500.361	55.266.725.783
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.064.748.133	58.713.916.013	26.344.672.429	1.237.582.195	101.360.918.770
Khấu hao trong kỳ	2.250.748.854	4.820.542.683	2.944.372.273	44.360.909	10.060.024.719
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.896.995.287)	-	-	(1.896.995.287)
Giảm khác (Chuyển qua công cụ dụng cụ)	-	-	-	(19.759.587)	(19.759.587)
Số cuối kỳ	17.315.496.987	61.637.463.409	29.289.044.702	1.262.183.517	109.504.188.615
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.548.588.039	53.418.775.914	22.912.728.018	225.393.621	114.105.485.592
Số cuối kỳ	47.949.548.380	74.716.529.345	21.144.857.472	99.892.299	143.910.827.496
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 10.084.693.348 VND (số đầu năm là 10.093.438.085 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20a, V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	78.581.967.427	832.920.000	79.414.887.427
Số cuối kỳ	78.581.967.427	832.920.000	79.414.887.427
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.866.741.751	481.920.000	25.348.661.751
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	35.984.966.993	627.125.680	36.612.092.673
Khấu hao trong kỳ	539.673.102	75.450.236	615.123.338
Số cuối kỳ	36.524.640.095	702.575.916	37.227.216.011
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	42.597.000.434	205.794.320	42.802.794.754
Số cuối kỳ	42.057.327.332	130.344.084	42.187.671.416
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.659.394.114 VND (số đầu năm là 32.135.254.072 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20a, V.20b).

11. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.374.299.499	957.092.617	8.331.392.116
Số cuối kỳ	7.374.299.499	957.092.617	8.331.392.116
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.097.967.979	293.959.320	2.391.927.299
Khấu hao trong kỳ	200.032.890	79.757.718	279.790.608
Số cuối kỳ	2.298.000.869	373.717.038	2.671.717.907
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.276.331.520	663.133.297	5.939.464.817
Số cuối kỳ	5.076.298.630	583.375.579	5.659.674.209

Bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.876.596.330 VND (số đầu năm là 1.943.277.420 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác (Kết chuyển vào Chi phí trả trước)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	7.450.513.026	42.205.269.466	(20.112.855.035)	(8.156.162.457)	21.386.765.000
Xây dựng cơ bản dở dang	10.421.981.272	7.687.001.172	(18.215.591.123)	-	671.978.261
<i>Công trình xưởng Bê tông Thạnh Phước - giai đoạn 2</i>	<i>7.183.192.757</i>	<i>2.778.323.916</i>	<i>(9.961.516.673)</i>	-	-
<i>Trạm trộn Bê tông nửa khô 60m³/h</i>	-	<i>3.815.424.632</i>	<i>(3.815.424.632)</i>	-	-
<i>Công trình khác</i>	<i>3.238.788.515</i>	<i>1.093.252.624</i>	<i>(4.438.649.818)</i>	-	<i>671.978.261</i>
Cộng	17.872.494.298	49.892.270.638	(38.328.446.158)	(8.156.162.457)	22.058.743.261

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.849.185.451	(2.653.668.634)	3.195.516.817
<i>Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng</i>	<i>2.173.818.546</i>	-	<i>2.173.818.546</i>
<i>Các chi phí phải trả</i>	<i>3.675.366.905</i>	<i>(2.653.668.634)</i>	<i>1.021.698.271</i>
Cộng	5.849.185.451	(2.653.668.634)	3.195.516.817

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	302.848.503	382.971.198
Công ty Cổ phần Miền Đông	302.848.503	85.371.917
Hợp tác xã Phúc Tài	-	297.599.281
Phải trả các nhà cung cấp khác	23.598.342.278	26.599.342.139
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt	-	2.849.757.305
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phước Tiến	-	4.019.612.036
Các nhà cung cấp khác	23.598.342.278	19.729.972.798
Cộng	23.901.190.781	26.982.313.337

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Uyên	969.582.000	1.717.047.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Thành phố Thủ Dầu Một	12.666.798.000	15.793.512.000
Các khách hàng khác	4.713.048.926	4.693.841.688
Cộng	18.349.428.926	22.204.400.688

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.041.402.482	2.743.436.058	(4.784.838.540)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.339.465.020	(1.339.465.020)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	262.640.200	(262.640.200)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.886.064.427	4.745.492.775	(6.387.238.871)	3.244.318.331
Thuế thu nhập cá nhân	37.920.875	1.771.519.620	(1.766.940.442)	42.500.053
Thuế tài nguyên	843.734.300	4.466.034.631	(4.404.017.931)	905.751.000
Thuế đất phi nông nghiệp	-	52.355.612	(52.355.612)	-
Tiền thuê đất	-	696.621.000	(696.621.000)	-
Thuế nhà thầu	-	140.144.588	(140.144.588)	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	(6.000.000)	1.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.147.525.049	1.477.674.595	(1.457.209.084)	11.167.990.560
- Phí bảo vệ môi trường	278.432.319	1.472.410.695	(1.451.945.184)	298.897.830
- Phí trước bạ	-	5.263.900	(5.263.900)	-
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã xây dựng	10.869.092.730	-	-	10.869.092.730
Cộng	18.956.647.133	17.702.384.099	(21.297.471.288)	15.361.559.944

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.670.448.047	71.112.376.220
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	411.938.999	401.519.115
- Các khoản điều chỉnh giảm	(13.268.343.171)	-
Thu nhập chịu thuế	27.814.043.875	71.513.895.335
Thu nhập được miễn thuế	(4.086.580.000)	(3.433.333.716)
Thu nhập tính thuế	23.727.463.875	68.080.561.619
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.745.492.775	13.616.112.324

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá với mức thuế suất 10% trên giá trị tính thuế.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn trong hoạt động xây lắp	5.801.775.728	35.124.041.108
Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	4.350.147.084	4.250.308.734
Chi phí thuê đất	4.411.878.498	1.026.852.420
Trích trước chi phí hỗ trợ địa phương tại mỏ đá Tân Đông Hiệp	1.831.836.667	1.958.204.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	60.430.917	861.560.274
Cộng	<u>16.456.068.894</u>	<u>43.220.966.536</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	103.391.280	100.014.220
Cổ tức phải trả	18.064.656.395	28.482.395
Phải trả tiền tạm giữ bảo hành công trình của các đội thi công, thầu phụ	7.162.412.053	9.088.381.410
Lãi vay phải trả	221.774.822	181.867.917
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.446.363.802	486.386.601
Cộng	<u>26.998.598.352</u>	<u>9.885.132.543</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương ⁽ⁱ⁾	180.234.646.365	114.053.126.803
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	8.280.072.000	8.280.072.000
Cộng	<u>188.514.718.365</u>	<u>122.333.198.803</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 0) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, một số tài sản khác gồm: thành phẩm bất động sản, chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.7, V.8, V.9, V.10 và V.11).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	122.333.198.803	146.721.355.858
Số tiền vay phát sinh	230.370.944.934	155.088.320.834
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	4.140.036.000	3.551.880.000
Số tiền vay đã trả	<u>(168.329.461.372)</u>	<u>(196.283.698.908)</u>
Số cuối kỳ	<u>188.514.718.365</u>	<u>109.077.857.784</u>

20b. Vay dài hạn

Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định và đầu tư dự án Xưởng Thanh Phước. Thời hạn vay lần lượt là 5 năm và 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất vay thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng một số khoản mục chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.8, V.9 và V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	8.280.072.000	8.280.072.000
Trên 1 năm đến 5 năm	23.265.388.000	25.069.408.000
Trên 5 năm	14.405.404.000	16.741.420.000
Cộng	<u>45.950.864.000</u>	<u>50.090.900.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	41.810.828.000	39.994.248.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	<u>(4.140.036.000)</u>	<u>(3.551.880.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>37.670.792.000</u>	<u>36.442.368.000</u>

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	94.827.498	252.644.965
Tăng do trích lập	-	58.551.215
Số đã sử dụng trong kỳ	<u>(40.236.710)</u>	<u>(248.366.807)</u>
Số cuối kỳ	<u>54.590.788</u>	<u>62.829.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Số cuối kỳ
			Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng	5.270.617.404	2.311.157.173	(7.375.217.173)	206.557.404
Quỹ phúc lợi	6.021.649.409	2.311.157.174	(7.769.192.827)	563.613.756
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.848.925.739	(1.646.960.371)	201.965.368
Cộng	11.292.266.813	6.471.240.086	(16.791.370.371)	972.136.528

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hóa An	13.882.510.000	7.456.910.000
America LLC	12.451.770.000	12.451.770.000
Peter Eric Dennis	12.220.640.000	12.220.640.000
PYN Elite Fund	11.018.480.000	11.018.480.000
Các cổ đông khác	100.728.050.000	107.153.650.000
Cộng	150.301.450.000	150.301.450.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.030.145	15.030.145
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	36.072.348.000	18.036.174.000	18.036.174.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	24.960.497.476		24.960.497.476
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.622.314.347		4.622.314.347
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	1.848.925.739		1.848.925.739

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	648.000.000	168.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	1.644.000.000	-
Cộng	<u>2.292.000.000</u>	<u>168.000.000</u>

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Xây dựng Vân Hải	484.735.894	484.735.894	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH MTV Xây dựng Sắt thép Tiên Phát	660.504.913	660.504.913	Không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	1.149.413.384	1.149.413.384	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>2.294.654.191</u>	<u>2.294.654.191</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	150.163.305.131	97.970.990.275
Doanh thu bán thành phẩm	121.576.982.521	162.923.903.538
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.613.441.756	8.929.721.240
Doanh thu kinh doanh bất động sản	637.647.723	430.104.539
Doanh thu hợp đồng xây dựng	35.473.142.444	57.058.963.468
Cộng	<u>327.464.519.575</u>	<u>327.313.683.060</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho bên liên quan khác là Hợp tác xã Phúc Tài chi tiết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	2.902.966.036	1.686.999.315
Doanh thu bán các thành phẩm	18.548.443.821	9.725.870.000
Doanh thu dịch vụ	7.655.293.013	4.544.088.001
Cộng	<u>29.106.702.870</u>	<u>15.956.957.316</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	124.482.377.403	69.011.501.959
Giá vốn của thành phẩm đã bán	89.997.492.331	101.167.319.454
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.820.148.141	7.882.386.643
Giá vốn kinh doanh bất động sản	279.790.608	209.392.492
Giá vốn của hoạt động xây dựng	33.218.099.697	59.344.719.576
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	19.783.220	(7.772.893)
Cộng	264.817.691.400	237.607.547.231

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.855.739	16.374.382
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.776.916.751	3.234.256.689
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.086.580.000	3.433.333.716
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	193.000.000	-
Cộng	8.070.352.490	6.683.964.787

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.673.257.301	3.902.306.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	13.934.213
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.106.630.000	-
Cộng	6.779.887.301	3.916.241.163

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	900.317.207	626.696.634
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.632.719	20.666.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.803.320	7.467.220
Chi phí dịch vụ vận chuyển	11.979.493.828	10.339.815.500
Các chi phí khác	785.061.039	1.098.511.782
Cộng	13.732.308.113	12.093.157.800

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.164.308.340	5.222.935.864
Chi phí vật liệu quản lý	142.249.844	184.175.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	579.924.535	552.209.761
Thuế, phí và lệ phí	22.232.814	-
Dự phòng phải thu khó đòi	38.615.505	391.185.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.198.090.662	770.319.315
Chi phí bằng tiền khác	2.017.663.271	2.566.790.709
Cộng	9.163.084.971	9.687.616.329

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	104.272.727	158.321.544
Cho thuê đất và nhà tại Thuận Giao	42.362.346	36.816.691
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	83.543.306	20.503.701
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	85.286.125
Thu nhập khác	91.660.110	180.597.019
Cộng	321.838.489	481.525.080

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính	166.908.000	40.289.138
Chi phí khảo sát thăm dò đá xây dựng	488.900.000	-
Chi phí khác	7.982.722	21.945.046
Cộng	663.790.722	62.234.184

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

11. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.835.655.959	100.354.041.171
Chi phí nhân công	25.674.297.003	34.708.791.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10.954.938.665	9.909.425.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.945.056.151	53.655.967.182
Chi phí khác	20.290.980.560	26.043.701.702
Cộng	201.700.928.338	224.671.926.466

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 2.079.820.297 VND (số đầu năm là 6.286.502 VND).

Ngoài ra, Công ty cũng đã ứng trước khoản tiền trị giá 1.044.170.604 VND để mua một số tài sản cố định (số đầu năm là 4.124.346.391 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.178.454.545	747.090.909
Trên 01 năm đến 05 năm	4.410.909.091	3.564.909.091
Cộng	<u>5.589.363.636</u>	<u>4.312.000.000</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban Tổng Giám đốc	1.134.418.194	1.214.037.698
Hội đồng quản trị và thành viên ban quản lý khác	2.546.983.645	1.834.433.565
Cộng	<u>3.681.401.839</u>	<u>3.048.471.263</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa An	Cổ đông lớn
Hợp tác xã Phúc Tài	Cổ đông sáng lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh V.2b và VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác chi tiết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hợp tác xã Phúc Tài		
Mua hàng hóa (đá thành phẩm)	90.949.194	315.577.695
Chi phí thuê đất	6.072.000.000	6.095.119.048
Mua dịch vụ	375.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa An		
Cổ tức được chia	3.983.100.000	2.692.520.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Sản xuất.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.689.219.641	-	48.689.219.641
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	107.231.623.926	-	107.231.623.926
Phải thu khách hàng	64.795.372.800	1.078.648.018	65.874.020.818
Các khoản phải thu khác	14.235.246.512	-	14.235.246.512
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	61.567.194.202	-	61.567.194.202
Cộng	296.518.657.081	1.078.648.018	297.597.305.099
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.972.280.405	-	38.972.280.405
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	102.968.222.182	-	102.968.222.182
Phải thu khách hàng	77.231.690.447	964.334.621	78.196.025.068
Các khoản phải thu khác	62.668.584.114	-	62.668.584.114
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.365.020.282	-	30.365.020.282
Cộng	312.205.797.430	964.334.621	313.170.132.051

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	30.585.812.153	-	-	30.585.812.153
Vay và nợ	188.514.718.365	23.265.388.000	14.405.404.000	226.185.510.365
Các khoản phải trả khác	43.351.275.966	-	-	43.351.275.966
Cộng	262.451.806.484	23.265.388.000	14.405.404.000	300.122.598.484
Số đầu năm				
Phải trả người bán	23.901.190.781	-	-	23.901.190.781
Vay và nợ	188.514.718.365	25.069.408.000	16.741.420.000	226.185.510.365
Các khoản phải trả khác	43.351.275.966	-	-	43.351.275.966
Cộng	255.767.185.112	25.069.408.000	16.741.420.000	293.437.977.112

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tương đương tiền	26.354.735.029	5.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	107.231.623.926	102.968.222.182
Vay và nợ	<u>(226.185.510.365)</u>	<u>(164.144.026.803)</u>
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(92.599.151.410)</u>	<u>(56.175.804.621)</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2%/năm thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.851.983.028 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 755.080.358 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thời hạn 12 tháng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20a). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 102.731.623.926 VND (số đầu năm là 98.468.222.182 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.689.219.641	-	38.972.280.405	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	107.231.623.926	-	102.968.222.182	-
Phải thu khách hàng	65.874.020.818	(910.996.694)	78.196.025.068	(872.381.189)
Các khoản phải thu khác	14.235.246.512	-	62.668.584.114	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	<u>61.567.194.202</u>	<u>-</u>	<u>30.365.020.282</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>297.597.305.099</u>	<u>(910.996.694)</u>	<u>313.170.132.051</u>	<u>(872.381.189)</u>

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	23.901.190.781	26.982.313.337
Vay và nợ	226.185.510.365	164.144.026.803
Các khoản phải trả khác	<u>43.351.275.966</u>	<u>53.006.084.859</u>
Cộng	<u>293.437.977.112</u>	<u>244.132.424.999</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Số liệu so sánh

6a. Các sai sót

Công ty đã điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm trước do trích thiếu giá vốn hợp đồng xây dựng.

6b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2.173.818.546	3.675.366.905	5.849.185.451
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24.844.132.013	18.376.834.523	43.220.966.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	209.027.144.899	(14.701.467.618)	194.325.677.281

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2019

Đỗ Việt Cường
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

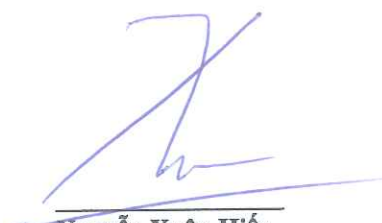
Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	136.639.920.000	2.190.000.000	105.322.664.416	195.837.473.682	439.990.058.098
Tăng vốn từ lợi nhuận	13.661.530.000	-	-	(13.661.530.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	57.496.263.896	57.496.263.896
Trích lập các quỹ	-	-	24.746.390.469	(31.162.121.332)	(6.415.730.863)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(16.396.790.400)	(16.396.790.400)
Số dư cuối kỳ trước	150.301.450.000	2.190.000.000	130.069.054.885	192.113.295.846	474.673.800.731
Số dư đầu năm nay	150.301.450.000	2.190.000.000	130.069.054.885	194.325.677.281	476.886.182.166
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	33.271.286.638	33.271.286.638
Trích lập các quỹ	-	-	24.960.497.476	(31.431.737.562)	(6.471.240.086)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(18.036.174.000)	(18.036.174.000)
Số dư cuối kỳ này	150.301.450.000	2.190.000.000	155.029.552.361	178.129.052.357	485.650.054.718

Bình Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2019



Đỗ Việt Cường
Người lập



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lành
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	35.473.142.444	121.547.482.521	150.163.305.131	20.251.089.479	327.435.019.575
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.473.142.444	121.547.482.521	150.163.305.131	20.251.089.479	327.435.019.575
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.255.042.747	31.703.649.438	25.680.927.728	2.977.708.262	62.617.328.175
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(22.895.393.084)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					39.721.935.091
Doanh thu hoạt động tài chính					8.070.352.490
Chi phí tài chính					(6.779.887.301)
Thu nhập khác					321.838.489
Chi phí khác					(663.790.722)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.745.492.775)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.653.668.634)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33.271.286.638
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	160.072.093	55.166.248.104	-	-	55.326.320.197
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	117.915.311	16.839.676.250	51.176.700	279.790.608	17.288.558.869
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.058.963.468	162.923.903.538	97.970.990.275	9.359.825.779	327.313.683.060
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.058.963.468	162.923.903.538	97.970.990.275	9.359.825.779	327.313.683.060
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.285.756.108)	61.764.356.977	28.959.488.316	1.268.046.644	89.706.135.829
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(21.780.774.129)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					67.925.361.700
Doanh thu hoạt động tài chính					6.683.964.787
Chi phí tài chính					(3.916.241.163)
Thu nhập khác					481.525.080
Chi phí khác					(62.234.184)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(13.616.112.324)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					57.496.263.896
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	929.206.855	18.533.195.692	-	-	19.462.402.547
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	181.914.192	11.691.471.694	17.058.900	209.392.492	12.099.837.278
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	59.196.370.595	202.834.294.467	250.587.403.534	33.794.327.627	546.412.396.223
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					271.493.073.400
Tổng tài sản					817.905.469.623
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	35.890.049.080	122.975.998.536	151.928.135.483	20.489.095.278	331.283.278.377
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					972.136.528
Tổng nợ phải trả					332.255.414.905
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	96.920.534.835	276.743.055.054	166.413.832.265	15.898.629.511	555.976.051.665
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					230.378.196.370
Tổng tài sản					786.354.248.035
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	51.979.501.334	148.420.208.616	89.249.487.026	8.526.602.080	298.175.799.056
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					11.292.266.813
Tổng nợ phải trả					309.468.065.869

Đỗ Việt Cường
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2019

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn